

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 22/01/2024
V/v T/C Hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22/01/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 358/2023/TLST-DS, ngày 12/10/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2023/QĐXXST-DS ngày 13/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 03/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Bửu N**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số H Quốc lộ A, Khóm G, Phường B, TP.S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Châu Văn T**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn L, có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Bửu N trình bày: Ngày 17/9/2022, ông Châu Văn T khi tổng kết số tiền mua lúa còn thiếu nợ ông 75.000.000 đồng, có làm biên nhận, ông T trả ông được 10.000.000 đồng, ông hứa cho

lại 5.000.000 đồng, số nợ còn lại là 60.000.000 đồng. Ông T hứa trả nhưng đến nay chưa thực hiện.

Nay ông Phạm Văn L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết: Buộc ông Châu Văn T trả lại ông 60.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày 17/9/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với bị đơn ông Châu Văn T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của ông.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa, bị đơn ông Châu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông L cho rằng, ông có giao dịch mua bán lúa với ông T. Ngày 17/9/2022, các bên tổng kết nợ thì ông Châu Văn T còn nợ ông L 75.000.000 đồng có làm biên nhận, ông T trả được 10.000.000 đồng, ông cho 5.000.000 đồng, số nợ còn lại là 60.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng mua bán giữa ông L và ông T được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, ông T đã vi phạm nghĩa vụ, khi không trả số tiền mua bán lúa như đã thỏa thuận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 357, 468, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông T trả lại số tiền mua bán lúa còn nợ là 60.000.000 đồng và số tiền chậm trả đối với số tiền nợ 60.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 17/9/2022 đến 22/01/2024 là 01 năm 04 tháng 05 ngày = 8.083.333 đồng. Tổng cộng là 68.083.333 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Châu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 68.083.333 đồng x 5% = 3.404.166 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các 357, 468, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Châu Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn L số tiền mua bán lúa còn nợ là 68.083.333 đồng (trong đó, tiền nợ mua bán lúa là 60.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 8.083.333 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Phạm Văn L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Châu Văn T còn phải có trách nhiệm trả lãi cho ông Phạm Văn L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.404.166 đồng.

Ông Phạm Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010658 ngày 05/10/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa